

Số: **259/2020/QĐST-HNGĐ**

Thành phố Bến Tre, ngày 04 tháng 11 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

- Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 364/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2020 về việc “Ly hôn, con chung” giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Thu N, sinh năm 1993.

Địa chỉ: 498, Tổ 12, khu phố 3, phường 8, thành phố B, tỉnh B.

Bị đơn: Anh Phan Minh N1, sinh năm 1989.

Địa chỉ: 183B, ấp 2A, xã N, thành phố B, tỉnh B.

- Căn cứ vào Điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào các Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 27 tháng 10 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 27 tháng 10 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (Bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn của chị Lê Thị Thu N và anh Phan Minh N1.
2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1.Về con chung: Anh Phan Minh N1 trực tiếp nuôi 02 cháu Phan Minh K, sinh ngày 15/10/2012 và Phan Minh T, sinh ngày 28/6/2015. Chị Lê Thị Thu N cấp dưỡng 02 con chung (K, T) mỗi tháng 1.500.000 đồng đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Chị N được quyền thăm nom con không ai được quyền cản trở. Vì lợi ích của con chung sau này, một hoặc cả hai bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng.

2.2.Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lê Thị Thu N và anh Phan Minh N1 đều khai không có.

2.3.Về án phí: Chị Lê Thị Thu N tự nguyện nộp 150.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (án phí cấp dưỡng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí 0011948 ngày 09/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre (chị N đã nộp đủ án phí).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND Tp. Bến Tre
- Chi cục THADS Tp. Bến Tre;
- UBND xã Nhơn Thạnh, Tp. Bến Tre.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Thuở